

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA XANH - HIỆN ĐẠI HÓA XANH TẠI VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ

Vũ Quỳnh Nam

Tóm tắt: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước. Doanh nghiệp có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Đề án “Chủ trương, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” của Ban Kinh tế Trung ương xây dựng đã xác định định hướng phát triển CNH-HĐH của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là CNH - HĐH xanh. Trong đó, doanh nghiệp đóng vai trò quyết định cho sự phát triển - khi mà các doanh nghiệp là tổ chức tiên phong trong chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật và phương thức hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động và phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, là tiền đề để phát triển CNH - HĐH bền vững của quốc gia.

Từ khóa: CNH - HĐH xanh; Doanh nghiệp; Trung du miền núi Bắc Bộ.

Giới thiệu

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình phát triển kinh tế đất nước vì nó đưa cả nền sản xuất vật chất và đời sống văn hóa - xã hội của nước ta lên trình độ mới. Đó là một quá trình kinh tế, kỹ thuật - công nghệ và kinh tế - xã hội toàn diện, sâu rộng nhằm chuyển đổi nền sản xuất và xã hội Việt Nam từ trình độ nông nghiệp lạc hậu lên trình độ công nghiệp với nền tảng khoa học công nghệ ngày càng tiên tiến, hiện đại, văn minh.

Trải qua 4 cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) của lịch sử nhân loại: Cuộc CMCN thứ nhất, vào cuối thế kỷ XVIII, khai sinh ra nền công nghiệp cơ khí, tạo ra dây chuyền sản xuất hàng loạt, sản xuất hàng hóa; Cuộc CMCN thứ hai diễn ra vào nửa sau thế kỷ XIX, với các phát minh vĩ đại như điện tử, sóng vô tuyến điện, động cơ điện, ... đưa đến sự ra đời của nền công nghiệp và xã hội điện khí hóa; Cuộc CMCN thứ ba, bắt đầu vào giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, mở ra thời đại điện tử hóa, tin học hóa và đột

phá về công nghệ mạng internet; và Cuộc CMCN thứ tư, từ đầu thế kỷ XXI, đánh dấu bước ngoặt chuyển đổi số của toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của con người (Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cương, 2019). Mỗi cuộc cách mạng tạo ra một trình độ công nghệ ngày càng hiện đại cho quá trình công nghiệp hóa lâu dài của nhân loại.

Cùng với đó là chủ trương, chiến lược phát triển CNH - HĐH của Việt Nam. Từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến Đại hội Đảng lần thứ XIII đều đưa ra chủ trương phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mới đây nhất tại Nghị Quyết Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” (Bộ Chính Trị, 2004, 2022). Tuy nhiên, việc triển khai mô hình CN - HĐH ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, mỗi vùng, mỗi địa phương lại có những sự khác biệt nhất định, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tiềm năng của từng vùng, từng địa phương đó. Đề án “Chủ trương, chính sách

công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” của Ban Kinh tế Trung ương xây dựng đã xác định định hướng phát triển CNH – HĐH của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là CNH – HĐH xanh. Trong đó, khẳng định vai trò của doanh nghiệp quyết định cho sự phát triển kinh tế Vùng.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, nhưng địa hình hiểm trở, bị chia cắt bởi nhiều dãy núi cao, với diện tích chiếm 35% diện tích cả nước, dân số chiếm 15,26% dân số cả nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2021), với trên 30 dân tộc anh em sinh sống, là vùng chậm phát triển của cả nước. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Vùng, việc phát triển lực lượng sản xuất phải được thực hiện đồng bộ ở cả yếu tố vật chất và yếu tố con người. Song, trong sự giới hạn về nguồn lực và với điểm xuất phát thấp, cần lựa chọn được mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp và mang tính đột phá.

Mô hình CNH - HĐH xanh là mô hình đã được nhóm nghiên cứu của trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên đề xuất thông qua nghiên cứu Chuyên đề Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá của Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Đại học Thái Nguyên tổ chức năm 2022 tại Đại học Thái Nguyên. Trong đó, CNH - HĐH xanh được định nghĩa “là quá trình chuyển đổi cơ bản và toàn diện các hoạt động kinh tế sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí, ứng dụng những thành tựu công nghệ, kỹ thuật, phương pháp hiện đại, thân thiện môi trường nhằm nâng cao năng suất lao động và phát triển bền vững” (Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên; Ban Kinh tế TW, 2022)

Với mục tiêu tổng quát và lâu dài của quá trình CNH – HĐH xanh là chuyển đổi và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và

phương thức sản xuất hiện đại thân thiện với môi trường vào sản xuất nhằm đem lại hiệu quả và bền vững, nhằm xây dựng xã hội ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại.

1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng các khóa VI đến khóa XII; các số liệu công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2021 về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước. Đồng thời, nghiên cứu được tổng hợp và kế thừa từ các nghiên cứu có liên quan: tạp chí, sách, báo, và một số website chuyên ngành.

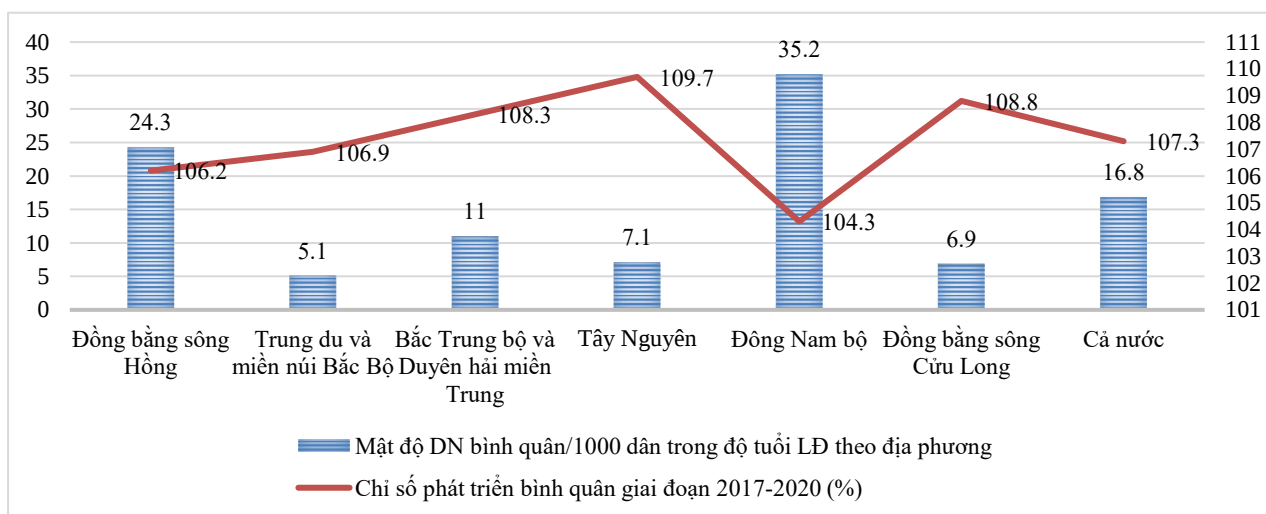
2. Kết quả nghiên cứu

Để đánh giá vai trò của doanh nghiệp trong triển khai mô hình CNH – HĐH xanh tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thì việc phân tích quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong vùng là vô cùng cần thiết. Thông qua đó để thấy được sự nỗ lực của các địa phương trong thu hút và khuyến khích đầu tư của các doanh nghiệp, đồng thời cũng thấy được những đóng góp các doanh nghiệp đối với từng địa phương và Vùng.

2.1. Số lượng doanh nghiệp tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng được coi là lõi nghèo của cả nước, mật độ dân số thưa thớt, giao thông nhiều địa phương còn khó khăn do địa hình hiểm trở. Đây cũng là một hạn chế rất lớn của vùng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào vùng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2021, tính đến hết 31/12/2020 mật độ của doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân trong độ tuổi lao động của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2017-2020 thấp nhất cả nước.

HÌNH 1. MẬT ĐỘ DOANH NGHIỆP NĂM 2020 BÌNH QUÂN TRÊN 1.000 DÂN VÀ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2017 – 2020 THEO VÙNG

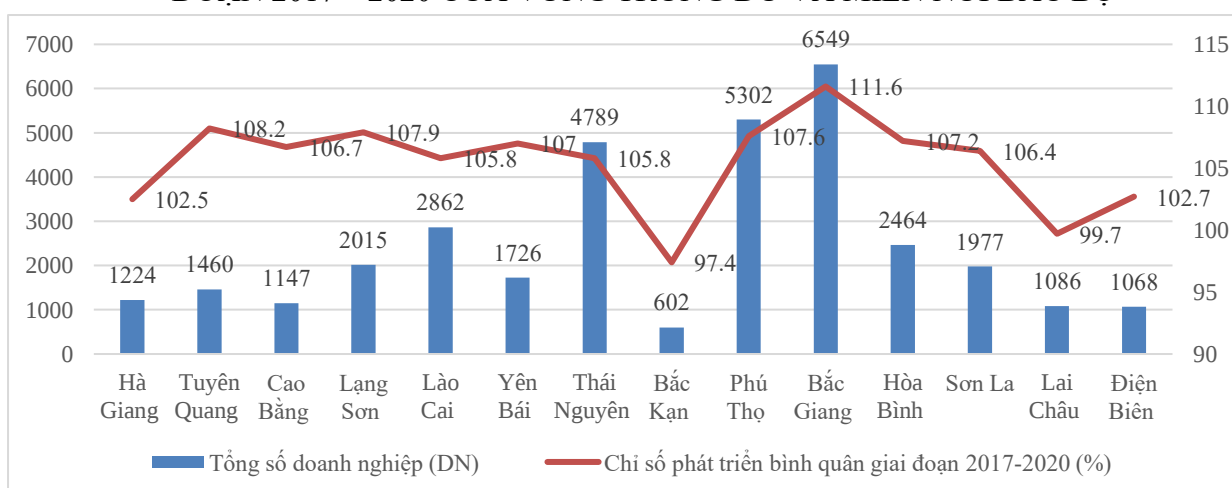


Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021.

Hình 1 cho thấy, mật độ của doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân trong độ tuổi lao động của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thấp nhất cả nước, chỉ đạt 5,1 doanh nghiệp/1.000 dân, trong khi vùng Đông Nam Bộ đạt 35,2 doanh nghiệp/1.000 dân; và mật độ doanh nghiệp/1.000 dân bình quân cả nước đạt 16,8. Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2017-2020 của vùng Trung du và miền núi Bắc

Bộ chỉ đạt 106,9%, thấp hơn mức bình quân chung cả nước là 107,3%. Nguyên nhân, do vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giao thông khó khăn, cách trở, địa hình địa lý phức tạp, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế... là những lý do căn bản nhất khiến vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ hụt hơi trong cuộc đua thu hút đầu tư, kể cả với đầu tư trong nước, chứ chưa nói đến đầu tư nước ngoài.

HÌNH 2. TỔNG DOANH NGHIỆP NĂM 2020 VÀ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2017 – 2020 CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2021.

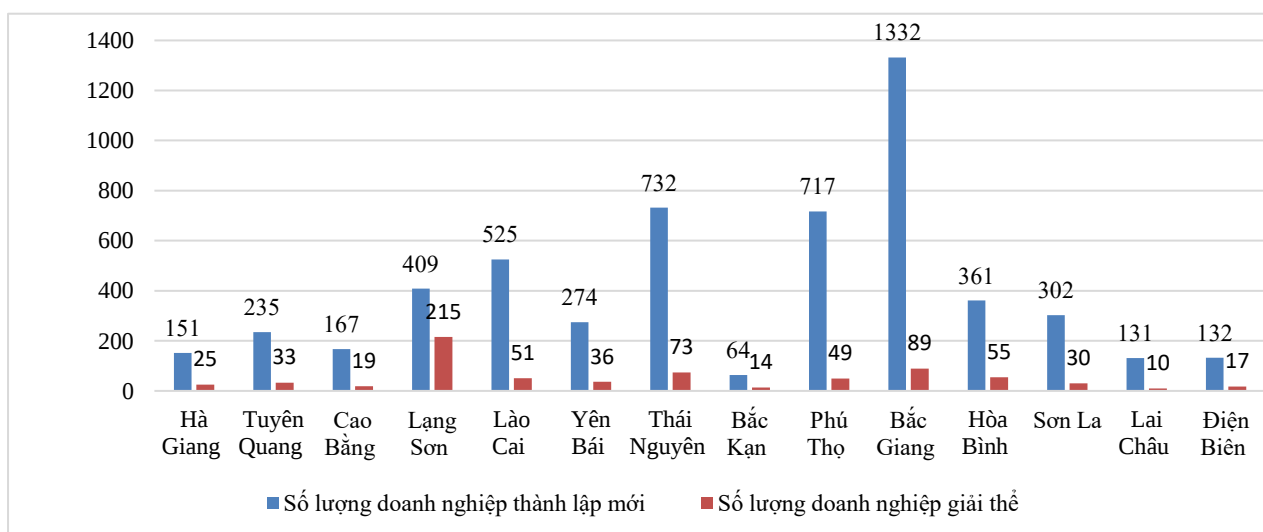
Trong đó, tỉnh có số lượng doanh nghiệp thấp nhất vùng là tỉnh Bắc Kạn và tỉnh có số lượng doanh nghiệp lớn nhất vùng là tỉnh Bắc Giang (Hình 2).

Hình 2 cho thấy, tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2020, tỉnh Bắc Giang là tỉnh có số lượng doanh nghiệp nhiều nhất vùng với 6.549 doanh nghiệp, với chỉ số phát triển DN bình quân cả giai đoạn 2017-2020 là 111,6%; đứng thứ hai là tỉnh Phú Thọ với 5.302 doanh nghiệp, chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân cả giai đoạn 2017-2020 là 107,6%; đứng thứ ba về số lượng doanh nghiệp toàn vùng là tỉnh Thái Nguyên với 4.789 doanh nghiệp, chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân cả giai đoạn 2017-2020 là 105,8%. Tỉnh có số lượng doanh nghiệp thấp nhất vùng là tỉnh Bắc Kạn

chỉ có 602 doanh nghiệp, chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân cả giai đoạn 2017-2020 là 97,4%; tiếp sau là tỉnh Điện Biên và Lai Châu với số lượng doanh nghiệp lần lượt là 1.068 và 1.086 doanh nghiệp; chỉ số phát triển DN bình quân cả giai đoạn 2017-2020 của Điện Biên là 102,7%, Lai Châu là 99,7%. Ngoài ra một số tỉnh có chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân cả giai đoạn 2017-2020 là khá cao là tỉnh Tuyên Quang là 108,2%; tỉnh Lạng Sơn là 107,9%; tỉnh Phú Thọ 107,2%.

Trong đó, tỉnh Bắc Giang có số lượng doanh nghiệp thành lập nhiều nhất vùng với 1.332 doanh nghiệp thành lập mới năm 2020, Bắc Kạn là tỉnh có số lượng doanh nghiệp thành lập mới thấp nhất vùng chỉ với 64 doanh nghiệp (Hình 3)

HÌNH 3. SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI VÀ DOANH NGHIỆP GIẢI THỂ NĂM 2020 CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam, 2021.

Tiếp sau Bắc Giang là tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Phú Thọ có số lượng doanh nghiệp thành lập mới lần lượt là 732 và 717 doanh nghiệp; tỉnh Lào Cai và tỉnh Lạng Sơn số lượng doanh nghiệp thành lập mới khá cao so với toàn vùng là 525 và 409 doanh nghiệp. Tỉnh có số lượng doanh nghiệp thành lập ít nhất vùng là tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Cao Bằng chỉ trên dưới 150 doanh nghiệp thành

lập mới. Trong khi, tỉnh Lạng Sơn là tỉnh có số lượng doanh nghiệp giải thể lớn nhất vùng với 215 doanh nghiệp giải thể, tiếp đến là tỉnh Bắc Giang với 89 doanh nghiệp, tỉnh Thái Nguyên với 73 doanh nghiệp.

Năm 2019, tổng số lao động của các doanh nghiệp cả nước là 15.151.989 người. Trong đó, các doanh nghiệp hoạt động tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là 916.385 người (chiếm

6,05% tổng số lao động trong các doanh nghiệp của cả nước), tạo thu nhập bình quân cho người lao động là 7.764 nghìn đồng/người/tháng (thấp hơn bình quân chung của cả nước là 9.325 nghìn đồng/người/tháng).

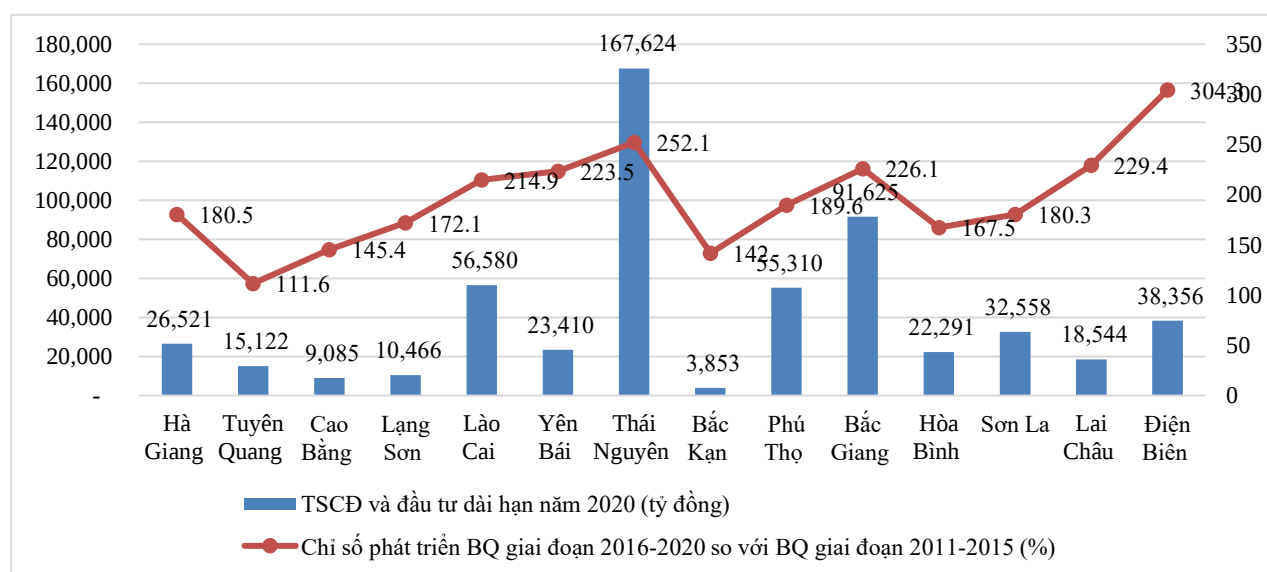
Tóm lại, qua một số chỉ tiêu đã phân tích ở trên có thể thấy, tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ mặc dù là địa phương có chỉ số phát triển doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2017-2020 thấp nhất cả nước, song một số địa phương như Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Lạng Sơn cũng là một trong những địa phương thu hút rất lớn số lượng các doanh nghiệp đầu tư và tỉnh. Điều này khẳng định, các địa phương này ngoài những lợi thế như giao thông, cơ sở hạ tầng tốt thì tỉnh đã có nhiều chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư

vào tỉnh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

2.2. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Các doanh nghiệp đầu tư vào Vùng có vai trò to lớn trong việc tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động trong Vùng và các vùng lân cận. Khi khoa học công nghệ và kỹ thuật phát triển, các doanh nghiệp là tổ chức tiên phong trong việc đầu tư, ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tổng giá trị tài sản cố định (TSCĐ) và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp năm 2020 và chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như sau:

HÌNH 4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BÌNH QUÂN CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam, 2021.

Hình 4 cho thấy, tỉnh Thái Nguyên là tỉnh có doanh nghiệp đầu tư cho TSCĐ và đầu tư dài hạn lớn nhất Vùng đạt 167.624 tỷ đồng; đứng thứ 2 là tỉnh Bắc Giang đạt 91.625 tỷ đồng; tiếp đến Lào Cai và Phú Thọ lần lượt là 56.580 tỷ đồng và 55.310 tỷ đồng. Tỉnh có doanh nghiệp đầu tư cho TSCĐ và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp thấp nhất là tỉnh Bắc Kạn, chỉ có 3.853

tỷ đồng; Cao Bằng và Lạng Sơn cũng chỉ đạt trên dưới 10.000 tỷ đồng. Chỉ số phát triển TSCĐ và đầu tư dài hạn bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang là thấp nhất, với chỉ số đạt 111,6%, tiếp đến là Bắc Kạn là 142%; Cao Bằng đạt 145,4%. Chỉ số doanh nghiệp đầu tư cho phát triển TSCĐ và đầu tư dài hạn bình quân giai đoạn 2016-2020

so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Điện Biên cao nhất Vùng đạt 304,3%; tiếp đến là Thái Nguyên đạt 252,1%; tỉnh Lai Châu đạt 229,4%; Yên Bái đạt 223,5%; Chỉ số doanh nghiệp đầu tư cho phát triển TSCĐ và đầu tư dài hạn bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của cả vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đạt 212,2%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước là 182,4%.

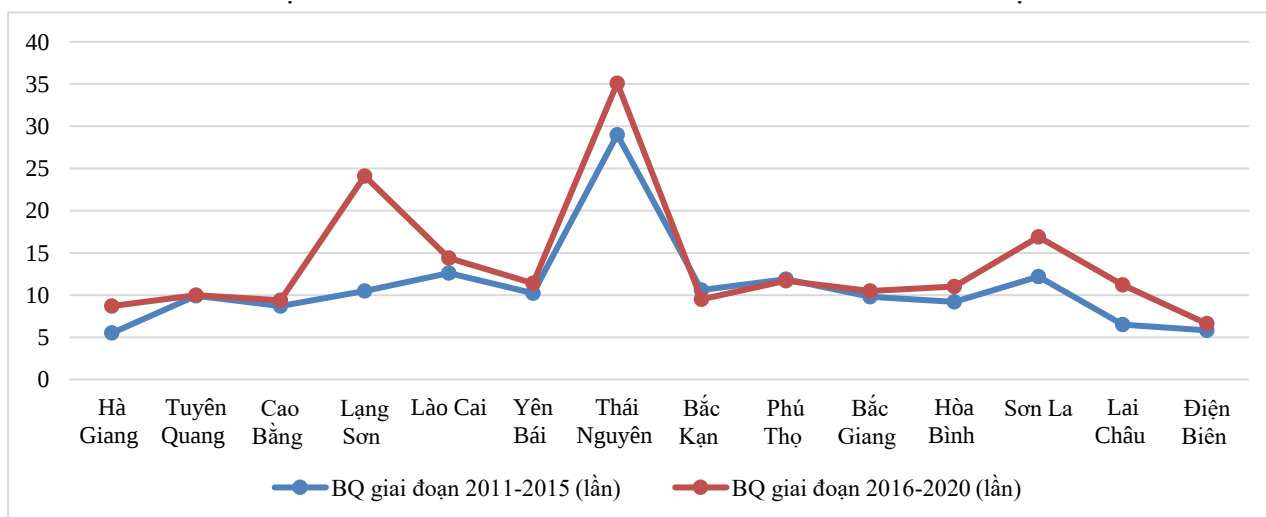
Điều này hoàn toàn dễ lý giải, tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Phú Thọ là những tỉnh ngoài lợi thế về giao thông thì các yếu tố thuộc về chính sách thu hút của các tỉnh này khá tốt, cụ thể tỉnh Thái Nguyên năm 2020 chỉ số PCI xếp thứ 11 trên cả nước, với điểm số 66,56; năm 2021 tụt xuống xếp thứ 28 cả nước với điểm số 64,81; Bắc Giang năm 2020 chỉ số PCI xếp thứ 27/63 tỉnh thành phố, với điểm số 63,98 điểm, năm 2021 chỉ số PCI xếp thứ 31/63 tỉnh thành phố, tuy nhiên điểm số đạt 64,74 điểm, tăng 0,76 điểm so với năm 2020. Lào Cai năm 2021 đạt 64,93 điểm, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt chất lượng điều hành kinh tế khá, xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố. Tính riêng trong khu vực miền núi phía Bắc, PCI 2021 của Lào

Cai xếp thứ 2/14 tỉnh, trong đó, tỉnh Phú Thọ đứng đầu khu vực với 66,11 điểm, đứng thứ 20/63 tỉnh, thành phố. Tóm lại, ngoài những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, giao thương thì chính sách của từng địa phương sẽ quyết định đến việc thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào từng tỉnh. Do đó, các địa phương vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cần có những chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư để tạo thuận lợi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh, qua đó giúp tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho người dân.

2.3. Hiệu suất sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Việc tận dụng lao động phổ thông với mức thu nhập thấp đã dần mất đi tại các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã chú trọng hơn vào đầu tư công nghệ, máy móc, trang thiết bị cho sản xuất sản phẩm, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Kết quả hiệu suất sử dụng lao động trong các doanh nghiệp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như sau:

HÌNH 5. HIỆU SUẤT SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam, 2021.

Hình 5 cho thấy, việc áp dụng khoa học công nghệ đã giúp cho hiệu suất sử dụng lao động trong các doanh nghiệp cao hơn rất nhiều. Cụ thể, tại Thái Nguyên, hiệu suất sử dụng lao động tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 29 lần, đến giai đoạn 2016-2020 đạt 35,1 lần; Lạng Sơn hiệu suất sử dụng lao động tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 10,5 lần, đến giai đoạn 2016-2020 đạt 24,1 lần; tỉnh Sơn La hiệu suất sử dụng lao động tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 12,2 lần, đến giai đoạn 2016-2020 đạt 16,9 lần. Tỉnh có hiệu suất sử dụng lao động thấp nhất là tỉnh Điện Biên, với mức tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 5,8 lần, đến giai đoạn 2016-2020 đạt 6,6 lần; tỉnh Hà Giang và tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn cũng chỉ dưới 10 lần.

Điều này phản ánh chính xác mức độ doanh nghiệp đầu tư vào TSCĐ và đầu tư dài hạn sẽ giúp hiệu suất sử dụng lao động của doanh nghiệp tăng lên gấp nhiều lần, qua đó giúp tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và khẳng định việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong sản xuất của doanh nghiệp đóng vai trò rất lớn trong việc nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm thải khí thải, chất thải ra môi trường.

2.4. Lợi nhuận của các doanh nghiệp trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại từng tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cụ thể như sau:

BẢNG 1. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ DOANH NGHIỆP CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Tỉnh/thành phố	Lợi nhuận trước thuế của DN năm 2019 (tỷ đồng)	Chỉ số phát triển BQ giai đoạn 2016-2019 so với BQ giai đoạn 2011-2015 (%)	Tỷ suất LN trước thuế so với TS của DN bình quân giai đoạn 2016-2019 (%)
Hà Giang	958	235,9	2,1
Tuyên Quang	346	-	-0,1
Cao Bằng	-188	-	-0,5
Lạng Sơn	-17	227,4	-0,8
Lào Cai	1164	136,6	1,7
Yên Bái	361	197,6	1,9
Thái Nguyên	52.494	575,5	14,7
Bắc Kạn	-170	139	-0,7
Phú Thọ	3.725	450	1,5
Bắc Giang	7.719	499,3	2,6
Hòa Bình	620	-	0,9
Sơn La	735	424,1	1
Lai Châu	57	8.880,6	0,6
Điện Biên	132	43,8	0,1
Tổng vùng TD & MN Bắc Bộ	67.937	524,8	6,2
Cả nước	889.942	184,1	2,5

Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam, 2021.

Bảng 1 cho thấy, các doanh nghiệp của tỉnh Thái Nguyên có lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2019 cao nhất vùng đạt 52.494 (tỷ đồng); Chỉ số phát triển lợi nhuận bình quân giai đoạn 2016-2019 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 575,5 (%); Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với tài sản của doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 14,7 (%); Một số tỉnh có lợi nhuận trước thuế của DN năm 2019 âm như: tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn; Tỉnh có tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với tài sản của doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2019 âm là tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Cao Bằng. Điều này đã khẳng định được vai trò to lớn của các doanh nghiệp trong việc đóng góp cho địa phương ngoài tạo việc làm, nâng cao thu nhập thì đóng góp của các doanh nghiệp cho nền kinh tế địa phương là không nhỏ. Đặc biệt là việc sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sẽ giúp cho quá trình CNH - HĐH của khu vực theo đúng nghĩa CNH - HĐH xanh của Vùng.

Bên cạnh mặt tích cực, quá trình CNH cùng với sự bùng nổ các hoạt động thương mại, dịch vụ đã gây nên những tác động môi trường không nhỏ. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, nhất là ở khu công nghiệp, các địa bàn tập trung đông dân cư. Thực tế cho thấy hầu hết các doanh nghiệp cả nước nói chung và ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nói riêng đều chưa thực hiện tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì mục tiêu lợi nhuận, nên các doanh nghiệp thường không muốn đầu tư cho các quy trình sản xuất sạch hoặc xử lý chất thải gây tốn kém. Tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ xử lý chất thải còn rất hạn chế mặc dù khi doanh nghiệp thành lập đi vào hoạt động đã phải đánh giá tác động môi trường, song thực tế nhiều doanh nghiệp chưa chấp hành đúng quy định về chất thải môi trường công nghiệp (Trần Thị Hồng Ngọc và cộng sự, 2020); các giải pháp trong xử lý, phân loại và tái chế chất thải rắn và rác thải sinh hoạt còn chưa được chú trọng. Ví dụ tại tỉnh Bắc Giang năm 2021 đã xử

lí 3 doanh nghiệp vi phạm pháp luật về môi trường: Công ty TNHH Khải Hồng Việt Nam, Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam và Công ty TNHH Khải Thần Việt Nam chôn lấp lượng chất thải lớn trái phép dưới đất, chuyển giao hơn 3 tấn chất thải rắn thông thường cho cá nhân không có chức năng xử lý; Tại Thái Nguyên, năm 2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) về các hành vi vi phạm Luật bảo vệ môi trường với mức phạt 565 triệu đồng; công ty cổ phần sản xuất gang Hoa Trung đã bị xử phạt vi phạm hành chính 290 triệu đồng về hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường,... Việc liên kết vùng để giúp các doanh nghiệp thuận lợi trong triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng còn gặp khó khăn: Liên kết phát triển nguồn nguyên liệu tại các địa phương; liên kết để mở rộng quy mô nhà máy sản xuất; liên kết trong việc tuyển dụng và sử dụng nguồn lực chất lượng cao tại các địa phương còn chưa có (Nguyễn Thế Chinh và cộng sự, 2021).

Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Từ thực tiễn phát triển doanh nghiệp tại các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cho thấy, vai trò to lớn của các doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ cơ khí, ứng dụng những thành tựu công nghệ, kỹ thuật, phương pháp hiện đại, thân thiện môi trường nhằm nâng cao năng suất lao động và phát triển bền vững Vùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, số lượng các doanh nghiệp trong Vùng không ngừng tăng lên qua các năm; mức đầu tư trang thiết bị, tài sản cố định tăng; số lượng lao động và năng suất lao động đã được cải thiện rõ rệt, đóng góp của các doanh nghiệp cho địa phương cũng ngày càng cao. Tuy nhiên, hạn chế về bảo vệ môi trường trong các doanh nghiệp vẫn là bài toán khó cho các nhà quản lý. Thông qua nghiên cứu đã phác họa được bức tranh chung cho vai trò của doanh nghiệp trong quá trình CNH-HĐH xanh của vùng. Tuy nhiên, nghiên

cứu chưa sử dụng phương pháp nghiên cứu hiện đại, chưa khảo sát các doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với xã hội, đối với cộng đồng. Đây là khoảng trống nghiên cứu cần có thêm nhiều nghiên cứu để giải quyết vấn đề CNH-HĐH xanh của vùng trong thời gian tới.

Khuyến nghị

Để phát huy hơn nữa vai trò của các doanh nghiệp trong quá trình CNH - HĐH xanh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, hoàn thiện các chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào Vùng. Vì doanh nghiệp là một bộ phận quan trọng trong quá trình ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và phát triển nền kinh tế thị trường; đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi về mặt công nghệ và tăng năng suất lao động; làm cho nền kinh tế thế giới trở nên năng động và sống động hơn.

Thứ hai, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư máy móc, trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động. Các doanh nghiệp đã góp phần tạo việc làm cho hàng triệu người; đóng vai trò thiết yếu tạo ra sự gắn kết các hoạt động kinh doanh truyền thống và công nghệ cao lại với nhau. Sự thành lập các công ty cũng là điều kiện tiên quyết dẫn đến tăng trưởng việc

làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong và ngoài vùng.

Thứ ba, có nhiều chính sách thu hút và hỗ trợ vay vốn cho các doanh nghiệp. Có chính sách hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, vì vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có tiềm năng và lợi thế lớn trong phát triển nông lâm nghiệp, qua đó giúp cho các địa phương chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực.

Thứ tư, xây dựng chế tài đủ mạnh để xử lý các doanh nghiệp vi phạm các quy định của nhà nước về môi trường. Khi Luật Bảo vệ Môi trường 2020 đã có sự thay đổi căn bản và vượt bậc trong quy định về chi trả phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng chuyển từ tư duy nhà nước chi trả sang cho các chủ thể phát sinh tự chi trả và quy định các doanh nghiệp phát sinh chất thải phải có trách nhiệm quản lý chất thải thông qua việc áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải, qua đó sẽ đòi hỏi doanh nghiệp phải tiếp tục đổi mới khoa học kỹ thuật, đầu tư máy móc để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đây là tiền đề để phát triển mô hình CNH - HĐH xanh tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Bắc Giang: 3 doanh nghiệp vi phạm pháp luật về môi trường, <http://baobacgiang.com.vn/bg/kinh-te/362303/bac-giang-3-doanh-nghiep-vi-pham-phap-luat-ve-moi-truong.html>.
2. Bộ Chính trị (2004). *Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 1/7/2004: Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020*.
3. Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022: Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2021*. NXB Thống kê Hà Nội.

5. Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên, Ban Kinh tế TW (2022). *Chuyên đề Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*. Kỷ yếu Hội thảo.
6. Nguyễn Hùng (2020). *Cơ hội nào cho ngành công nghệ xử lý, tái chế chất thải tại Việt Nam?*, <https://moit.gov.vn/bao-ve-moi-truong/co-hoi-nao-cho-nganh-cong-nghe-xu-ly-tai-che-chat-thai-tai-v.html>.
7. Nguyễn Thế Chính, Lại Văn Mạnh (2021). *Doanh nghiệp bảo vệ môi trường với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững*. <https://tainguyenvamoiuong.vn/doanh-nghiep-bao-ve-moi-truong-voi-tang-truong-xanh-va-phat-trien-ben-vung-cid1494.html>.
8. Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cường (2019). *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra*. Nxb Tư Pháp.
9. Quốc hội (2020). *Luật số 72/2020/QH14 về Luật bảo vệ môi trường, ngày 17/11/2020*.
10. Thái Nguyên: Vi phạm môi trường, TISCO bị xử phạt 565 triệu đồng, <https://kinhtemoitruong.vn/thai-nguyen-vi-pham-moi-truong-tisco-bi-xu-phat-565-trieu-dong-56726.html>.
11. Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*.
12. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/6/2013 về việc “Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030”*.
13. Trần Thị Hồng Ngọc, Phan Trường Khanh, Dương Hoàng Thương (2020). *Lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm với môi trường*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/loi-ich-doanh-nghiep-va-trach-nhiem-voi-moi-truong-72511.htm>.
14. Tổng cục Thống kê (2021). *Số liệu thống kê dân số và lao động*, <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke/>

Thông tin tác giả:**1. Vũ Quỳnh Nam, TS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Thái Nguyên.

- Địa chỉ email: quynhnam@tueba.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/01/2023

Ngày nhận bản sửa: 18/02/2023

Ngày duyệt đăng: 12/3/2023